

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hữu Nghĩa;**
- Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.**

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2025/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Bùi Thị Như Ý, sinh năm 2002; cư trú tại: Tổ D, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Bị đơn: anh Lê Thành L, sinh năm 1995; cư trú tại: ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Như Ý trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L chung sống vợ chồng từ cuối năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh, số: 44 ngày 23 tháng 9 năm 2021, hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới nhau, chị Ý phát hiện anh L chơi đá gà nợ tiền người khác, chị đã bán vàng cưới để trả. Đến năm 2024, anh L tiếp tục bài bạc nợ người khác số tiền 300.000.000 đồng, gia đình anh L đã trả thay cho anh L số tiền nợ này. Đến nay anh L vẫn bài bạc không thay đổi. Anh L còn có quan hệ nam nữ với người phụ nữ khác bên ngoài.

Do gia đình hai bên mâu thuẫn với nhau nên chưa hòa giải cho anh, chị. Tuy nhiên, trường ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh có hòa giải mâu thuẫn của anh chị. Giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng là anh, chị sẽ chuyển ra thuê nhà ở riêng. Tuy nhiên, do thời gian đầu vợ chồng không có điều kiện về kinh tế nên anh, chị sống tạm ở nhà ngoại của chị Ý. Sau đó, do vợ chồng có mâu thuẫn nên anh L bỏ về nhà mẹ ruột sống. Chị cũng không còn chung sống với anh L từ Tết nguyên đán năm 2025 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L.

Về con chung: chị và anh L chung sống có 02 con chung tên Lê Bùi Anh T, sinh ngày 07/11/2021 và Lê Bùi Anh T1, sinh ngày 12/5/2024. Ly hôn chị Ý yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bùi Anh T1 và giao cháu Lê Bùi Anh T cho anh L nuôi dưỡng. Chị Ý không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Ý không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 4 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Lê Thành L trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Ý về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Anh xác định vợ chồng anh, chị sống không có mâu thuẫn. Mừng 7 Tết chị Ý bỏ nhà đi là do giận anh. Anh có đến gặp chị Ý nhưng chị Ý không đồng ý về sống với anh. Anh thừa nhận có bài bạc nợ tiền người khác nhiều lần, còn quan hệ với người phụ nữ khác thì anh chỉ có nhắn tin qua lại. Từ ngày chị Ý bỏ đi thì gia đình hai bên cũng mâu thuẫn. Sau khi được địa phương hòa giải, anh chuẩn bị thuê nhà trọ ở cùng chị Ý thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh không ở nữa. Nay chị Ý yêu cầu ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: anh thống nhất với lời trình bày và ý kiến của chị Ý về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Anh L và chị Ý chung sống vợ chồng tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh từ năm 2021 đến nay. Quá trình chung sống, anh L nhiều lần chơi bài bạc, nợ tiền người khác, không chăm lo làm ăn. Ngoài ra, anh L còn có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài làm mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị Ý bỏ nhà đi.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Bùi Thị Như Ý trình bày: chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bùi Anh T1, sinh ngày 12/5/2024; giao cháu Lê Bùi Anh T, sinh ngày 07/11/2021 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con, cũng không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn anh Lê Thành L trình bày: anh không đồng ý ly hôn với chị Ý. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: anh thống nhất với lời trình bày và ý kiến của chị Ý, không có ý kiến khác.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: chị Bùi Thị Như Ý được ly hôn với anh Lê Thành L.

+ Về nuôi con chung: giao chị Bùi Thị Như Ý trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Bùi Anh T1, sinh ngày 12/5/2024. Giao anh Lê Thành L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Bùi Anh T, sinh ngày 07/11/2021. Ghi nhận chị Ý, anh L không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị Ý, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: chị Bùi Thị Như Ý phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa nguyên đơn chị Bùi Thị Như Ý và bị đơn anh Lê Thành L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Ý và anh L tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 23/9/2021, hôn nhân tự nguyện. Căn cứ quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Khi mới chung sống vợ chồng, chị Ý phát hiện anh L nợ tiền người khác do bài bạc, C đã bán vàng cưới để trả nợ cho anh L. Tuy nhiên, anh L không thay đổi mà tiếp tục bài bạc, nợ tiền người khác nhiều lần, anh L xác định lời trình bày của chị Ý là đúng. Ngoài ra, mâu thuẫn vợ chồng còn do anh L nhiều lần có quan hệ

nam nữ với người phụ nữ khác, anh L xác định chỉ dừng ở việc nhắn tin qua lại nhưng điều này cũng thể hiện sự không chung thủy vợ chồng. Khi được chính quyền địa phương hòa giải, vợ chồng anh chị quyết định thuê nhà trọ sống nhưng do vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn nên không thực hiện được. Do đó, anh L cho rằng vợ chồng anh chung sống không có mâu thuẫn là không có cơ sở. Chị Ý hiện đã không còn sống chung với anh L từ đầu năm 2025, nay Chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh L được nữa. Nhận thấy hôn nhân giữa chị Ý và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ý đối với anh L.

[3] Về nuôi con chung: chị Ý và anh L có 02 con chung tên Lê Bùi Anh T, sinh ngày 07/11/2021 và Lê Bùi Anh T1, sinh ngày 12/5/2024. Chị Ý, anh L thống nhất chị Ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Thỏa thuận của anh, chị phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị Bùi Thị Như Ý và anh Lê Thành L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: chị Bùi Thị Như Ý phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Như Ý và anh Lê Thành L.

2. Về nuôi con chung: giao chị Bùi Thị Như Ý trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Bùi Anh T1, sinh ngày 12/5/2024. Giao anh Lê Thành L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Bùi Anh T, sinh ngày 07/11/2021. Ghi nhận chị Bùi Thị Như Ý và anh Lê Thành L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị Như Ý, anh Lê Thành L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; chị Ý, anh L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị Ý, anh L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ghi nhận chị Bùi Thị Như Ý và anh Lê Thành L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Bùi Thị Như Ý phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ý đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 000 2068 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Ý đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Mỏ Công;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Nguyên